TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1712/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 12, ngày 25 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1190/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1987
Địa chỉ: 68/20/11 Tổ 2, Khu phố 5, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T – Luật sư Công ty luật TNHH Apolat Legal – Thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: 36A Nguyễn Gia Trí, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Bị đơn: Ông Chung Trọng Đ - Sinh năm: 1982
Địa chỉ: 68/20/11 Tổ 2, Khu phố 5, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP X
Địa chỉ: 78 Trần Quang Khải, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Kim Thanh.
Địa chỉ: 78 Trần Quang Khải, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 211, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1987 và ông Chung Trọng Đ, sinh năm 1982.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Chung Trọng Đ thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có 02 con chung tên Chung Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 25/5/2013 và Chung Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 21/10/2017.

Giao con chung tên Chung Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 25/5/2013 cho ông Chung Trọng Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Giao con chung tên Chung Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 21/10/2017 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:

Tài sản chung của ông Chung Trọng Đ, bà Nguyễn Thị N là căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 68/20/11 tổ 2, Khu phố 5, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1818 do UBND Quận 12 cấp ngày 14/4/2003, thay đổi chủ sử dụng mang tên ông Chung Trọng Đ, bà Nguyễn Thị N ngày 19/12/2016, có giá trị 1.649.698.000 đồng.

Nghĩa vụ chung về tài sản của ông Chung Trọng Đ, bà Nguyễn Thị N là là nợ gốc, lãi của Ngân hàng TMCP X theo Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201601253 ngày 25/11/2016. Số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/12/2019 là 524.714.163 đồng (trong đó nợ gốc là 472.226.996 đồng, lãi là 52.487.167 đồng).

Như vậy, giá trị tài sản chung của ông Chung Trọng Đ bà Nguyễn Thị N còn lại sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba là 1.124.983.837 đồng.

- Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/12/2019 là 524.714.163 đồng (trong đó nợ gốc là 472.226.996 đồng, lãi là 52.487.167 đồng). Thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 02/01/2020.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị N còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số tiền lãi phát sinh từ ngày 18/12/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền theo mức lãi suất như thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201601253 ngày 25/11/2016.

Nếu đến hết ngày 02/01/2020 bà Nguyễn Thị N không trả đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng TMCP X thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 1258-19, tờ bản đồ số 2F (Sơ đồ nền) tọa lạc tại số địa chỉ 68/20/11 tổ 2, Khu phố 5, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1818 do UBND Quận 12 cấp ngày 14/4/2003, thay đổi chủ sử dụng mang tên ông Chung Trọng Đ bà Nguyễn Thị N ngày 19/12/2016.

Nếu trước ngày 02/01/2020 bà Nguyễn Thị N đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP X hết số tiền gốc và lãi nói trên cùng lãi suất phát sinh thì Ngân hàng TMCP X phải giải chấp và trả lại cho bà Nguyễn Thị N toàn bộ chứng từ gốc tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1818 do UBND Quận 12 cấp ngày 14/4/2003, thay đổi chủ sử dụng mang tên ông Chung Trọng Đ bà Nguyễn Thị N ngày 19/12/2016.

- Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán cho ông Chung Trọng Đ số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng.

Địa điểm giao tiền do các bên tự thoả thuận hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Thời hạn thanh toán tiền: Chậm nhất là ngày 10/01/2020.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Bà Nguyễn Thị N được toàn quyền quản lý, sử dụng căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 68/20/11 Tổ 2, Khu phố 5, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1818 do UBND Quận 12 cấp ngày 14/4/2003, thay đổi chủ sử dụng mang tên ông Chung Trọng Đ bà Nguyễn Thị N ngày 19/12/2016 ngay sau khi thanh toán hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP X và giao đủ số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng cho ông Chung Trọng Đ.

- Bà Nguyễn Thị N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục cập nhật biến động thay đổi chủ sử dụng, sang tên theo quy định của pháp luật.

2.4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 14.446.737 (Mười bốn triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm ba mươi bảy) đồng án phí, được cấn trừ vào số tiền 12.300.000 (Mười hai triệu ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai số 0000760 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thàng phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị N còn phải nộp số tiền 2.146.737 (Hai triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm ba mươi bảy) đồng án phí.

Ông Chung Trọng Đ phải chịu 24.322.141 (Hai mươi bốn triệu ba trăm hai mươi hai ngàn một trăm bốn mươi mốt) đồng án phí.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền 12.225.887 (Mười hai triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm tám mươi bảy) đồng theo biên lai số 0008235 ngày 08/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thàng phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2013 do UBND xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp ngày 01/3/2013 không còn giá trị pháp lý.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Mai